

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 -7-2020.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn và
quyền nuôi con giữa bà M và ông
D”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

2. Bà ML Lương Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt , tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 686/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2020 và Quyết Định hoãn phiên tòa số 29/QĐTS-HNGD Ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, địa chỉ: Số 70D đường C, phường F, thành phố Đ, tỉnh L. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Mỹ D, địa chỉ: Số 70D đường C, phường F, thành phố Đ, tỉnh L. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà và ông Lê Mỹ D chung sống với nhau từ năm 2011, không tổ chức lễ cưới. Đến tháng 5/2012 thì bà và ông D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, thành phố Đ, tỉnh L. Cuộc sống hòa thuận được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông D hay nhậu, say xỉn, khi về nhà có thái độ không tốt, thậm chí đánh đập bà vô cớ, việc này lặp đi lặp lại nhiều lần. Mặc dù bà đã nhiều lần khuyên can và tạo cơ hội nhưng ông D không thay đổi. Đến tháng 6/2018 thì bà và ông D ly thân cho đến nay. Bà nhận thấy

tình cảm đã không còn, cũng không thể hàn gắn trở về với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Mỹ Quốc H, sinh ngày 28/12/2011 hiện nay con đang ở với bà. Khi ly hôn bà có nguyện vọng tiếp tục nuôi con cho đến khi trưởng thành. Yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông D không có tài sản chung

Bị đơn ông Lê Mỹ D được thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của những người tham gia tố tụng.

Về yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M, cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Ông Lê Mỹ D. Về con chung: Giao con chung tên Lê Mỹ Quốc H, sinh ngày 28/12/2011 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Buộc ông Lê Mỹ D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi con thành niên. Về tài sản chung không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt và ông Lê Mỹ D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị ML có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Mỹ D và yêu cầu nuôi con, ông Lê Mỹ D không đồng ý ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo qui định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Ông Lê Mỹ D cư trú, sinh sống tại: Số 70D đường C, phường F, thành phố Đà L, tỉnh L, căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Đ tỉnh L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lê Mỹ D chung sống với nhau từ năm 2011, không tổ chức lễ cưới, đến tháng 5/2012 hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, thành phố Đ, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lê Mỹ D là tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật. Theo bà M quá trình chung sống không hạnh phúc nguyên nhân ông D hay nhậu nhẹt, say xỉn, khi về nhà có thái độ không tốt, thậm chí đánh đập bà vô cớ, việc này lặp đi lặp lại nhiều lần. Từ tháng 6/2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, tình cảm không còn nên bà M yêu cầu ly hôn. Về phía ông Lê Mỹ D Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tòa trình bày ý kiến về yêu

cầu của bà M là thể hiện thái độ không còn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà M. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đối với nhau không còn, có kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị ML là có căn cứ, áp dụng Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M, cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị ML và ông Lê Mỹ D.

[4] Về con chung: Giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông ông Lê Mỹ D có 01 con chung tên Lê Mỹ Quốc H. sinh ngày 28/12/2011. Ly hôn bà M có nguyện vọng tiếp tục nuôi con cho đến khi thành niên. Xét con đủ 7 tuổi Tòa án lấy lời khai cháu có nguyện vọng ở với mẹ nên chấp nhận yêu cầu của bà ML, giao con cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên là phù hợp với qui định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con thành niên. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, mức cấp dưỡng bà M yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng là cao so với với chi phí thực tế để cùng nuôi con, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà M, buộc ông D cấp dưỡng nuôi con tên là Lê Mỹ Quốc H, sinh ngày 28/12/2011 mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi con thành niên là phù hợp.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không có tranh chấp nên không đề cập.

[7] Về án phí : Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo qui định của pháp luật. Ông Lê Mỹ D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82,83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Lê Mỹ D.

2- Về con chung: Giao con chung tên Lê Mỹ Quốc H. sinh ngày 28/12/2011 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lê Mỹ D cấp dưỡng nuôi con Lê Mỹ Quốc H, mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi con thành niên.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

4.Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

5- Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí bà M đã nộp theo biên lai thu số AAA/2016/00160918 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ), bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ. Ông Lê Mỹ D phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

6- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M, ông Lê Mỹ D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận

- TAND tỉnh L (02);
- VKSND tp.Đ;
- UBND phường F.Tp.Đ
- Chi cục THADS tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đoàn Thị Tuyết Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – ML Lương Anh

Đoàn Thị Tuyết Nga

